

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-ST

Ngày: 02-3-2023

V/v: *Tranh chấp dân sự về nợ hụi và
hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Thủ.

2. Ông Phạm Phước Tâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 561/2022/TLST-DS ngày 06/10/2022 về việc: “Tranh chấp dân sự về nợ hụi và hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/QĐXXST-DS ngày 06/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-DS ngày 03/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành M**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: đường Đinh C, khóm M Tây, phường M, thành phố C, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông **Đỗ Thành Đ (5 Râu)**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 442, ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Đ

(Ông M có mặt, ông Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thành M trình bày:

Do quen biết, ông M có cho ông Đ vay số tiền là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi theo lãi suất 10%/01 năm cụ thể Đ tính như sau: từ ngày 02/3/2021 đến ngày 24/6/2022 là 52.000.000 đồng.

Đồng thời, ngày 02/8/2020 (âl), ông M có tham gia dây hụi do ông Đ làm chủ cụ thể là dây hụi Đ mở ngày 02/8/2020, số tiền hụi là 5.000.000 đồng, một tháng khai 01 lần, gồm 20 phần, ông tham gia 01 phần, ông đã đóng Đ 12 lần

với tổng số tiền là 40.150.000 đồng. Theo sổ hụi và danh sách hụi ngày 02/8/2020 đến ngày 02/8/2021 ông Đ bẻ hụi không có khả năng thanh toán cho ông số tiền là 40.150.000 đồng.

Tổng cộng ông Đ nợ ông số tiền là 492.150.000 đồng.

Ông nhiều lần yêu cầu ông Đ phải trả lại cho ông số tiền nêu trên nhưng ông Đ cứ cố tình tránh né, không trả cho ông.

Theo đơn khởi kiện ông M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết: Buộc ông Đỗ Thành Đ phải trả cho ông số tiền 492.150.000 đồng (bốn trăm chín mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi suất 10%/01 năm cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông M yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền nợ gốc còn thiếu là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất từ ngày 02/3/2021 đến nay. Về nợ hụi, ông M yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ trả cho ông số tiền còn thiếu là 40.150.000 đồng. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 462286 số vào sổ 00261 QSDĐ/1702/QĐUB ngày 05/7/2005 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Đ, khi vay tiền ông Đ có giao cho ông để làm tin. Tuy nhiên hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, ông M đã giao trả lại cho ông Đ xong, ông không yêu cầu giải quyết vấn đề này trong vụ án này, nếu sau này có phát sinh tranh chấp ông sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác. Ngoài ra, ông không còn yêu cầu nào khác.

* Đối với bị đơn là ông Đỗ Thành Đ có văn bản ý kiến trình bày: Do trước đây có quen biết nên ông có hỏi vay tiền của ông M nhiều lần, lãi suất thỏa thuận là 6%/01 tháng (thỏa thuận miệng). Do làm ăn khó khăn nên đến ngày 02/3/2021 ông có làm biên nhận mới với số tiền là 400.000.000 đồng, trong thời gian này ông có đóng lãi cho ông M đầy đủ (do tin tưởng nhau nên không làm biên nhận).

Tuy nhiên đến khoảng cuối năm 2021 đầu năm 2022 thì công việc làm ăn của ông bị ảnh hưởng nên không đóng lãi đầy đủ cho ông M như thỏa thuận. Nay ông đồng ý trả vốn gốc cho ông M là 400.000.000 đồng và tiền hụi là 40.150.000 đồng.

- Kèm theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án Biên nhận mượn tiền có thể hiện số tiền cụ thể mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn, Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến gì nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Đ thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay và nợ hui nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về nợ hui và vay tài sản” theo quy định tại Điều 463, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, bị đơn có địa chỉ tại 442, ấp An Nghiệp, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn ông Đỗ Thành Đ Đ triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đã vắng mặt không lý do chính đáng và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Thành M yêu cầu bị đơn là ông Đỗ Thành Đ có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền nợ gốc còn thiếu và tiền hui là 440.150.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, phía nguyên đơn đã cung cấp biên nhận mượn tiền ngày 02/3/2021 có chữ ký tên và chữ viết họ tên của Đỗ Thành Đ và sổ hui mở ngày 02/8 ông M đã đóng hui Đ 12 lần với tổng số tiền là 40.150.000 đồng. Xét thấy, tài liệu, chứng cứ trên là bản gốc và có nội dung phù hợp với nội dung trình bày và yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa ông M, ông Đ có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền là 400.000.000 đồng, đã Đ ông M chứng minh bằng biên nhận mượn tiền đề ngày 02/3/2021 có chữ ký của ông Đ. Tờ biên nhận này do ông Đ giao nộp cho Tòa án thể hiện đúng như lời trình bày của ông Đ.

Đồng thời, trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho ông Đ. Ông Đ có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án thừa nhận có nợ số tiền vay và tiền nợ hui như phía nguyên đơn trình bày, bị đơn không phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Mặt khác, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay giữa hai bên đương sự là có thật. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của phía nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản sản cho bên vay, khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định*”; và tại khoản 1 Điều 466 Bộ

luật dân sự quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn.....*”. Về nợ hui, bị đơn thống nhất với nguyên đơn về việc có tham gia dây hui Đ mở ngày 02/8/2020, số tiền hui là 5.000.000 đồng, một tháng khui 01 lần, gồm 20 phần, ông tham gia 01 phần, ông đã đóng Đ 12 lần với tổng số tiền là 40.150.000 đồng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này.

Đối với yêu cầu về lãi suất, tại phiên tòa ông M không yêu cầu tính lãi suất. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn Đ chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 429, 463, 466, 468 và 469 và 471 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*** Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành M.

Buộc ông Đỗ Thành Đ có trách nhiệm trả cho ông M số tiền vốn vay là 400.000.000 đồng, tiền nợ hui là 40.150.000 đồng, tổng cộng là 440.150.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Tiền án phí dân sự sơ thẩm là 21.606.000 đồng (Hai mươi một triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn đồng), ông Đỗ Thành Đ phải chịu.

+ Ông Nguyễn Thành M thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí nên không phải trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án Đ tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND HCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Trung Dũng